

Số: ~~12~~ 59/SKHĐT-QLN

Ninh Thuận, ngày 14 tháng 4 năm 2022

V/v báo cáo giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng giai đoạn 2016-2021.

Kính gửi: Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện công văn số 1345/UBND-KTTH ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh đề nghị báo cáo giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng giai đoạn 2016-2021, theo yêu cầu của Hội đồng Nhân dân tỉnh tại công văn số 72/HĐND-VP ngày 29/3/2022. Trên cơ sở đề cương hướng dẫn và chức năng nhiệm vụ được giao, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo như sau:

### **I. Đặc điểm tình hình**

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh có thực hiện chức năng, giúp Ủy ban nhân dân Tỉnh quản lý nhà nước về quy hoạch, kế hoạch và đầu tư, gồm: Tổng hợp về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tổ chức thực hiện và đề xuất về cơ chế, chính sách quản lý kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài ở địa phương; quản lý nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn viện trợ phi chính phủ; đấu thầu; đăng ký doanh nghiệp trong phạm vi địa phương; tổng hợp và thống nhất quản lý các vấn đề về doanh nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế tư nhân; tổ chức cung ứng các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở theo quy định của pháp luật.

Đảng bộ Sở có 45 đảng viên, trong đó Ban Chấp hành có 10 đồng chí, Ban Thường vụ có 3 đồng chí, với 05 chi bộ trực thuộc; đội ngũ cán bộ đảng viên, công chức, viên chức trong cơ quan được đào tạo căn bản, với 59/59 đồng chí có trình độ đại học trở lên, trong đó có 11 thạc sỹ; về lý luận chính trị: cao cấp có 09 đ/c; trung cấp có 24 đ/c. Đây là một trong những thuận lợi cơ bản trong triển khai quán triệt, học tập và tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

### **II. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt và triển khai thực hiện:**

Quán triệt Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư TW Đảng, Nghị quyết số 71-NQ/CP ngày 08/7/2017 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và các Nghị quyết



**Phân bổ vốn thực hiện phát triển rừng giai đoạn 2016-2021**  
(kèm theo công văn số 1259/SKHĐT-QLN ngày 14 tháng 4 năm 2022)

ĐVT: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Tổng GD 2016-2021		Phân theo năm thực hiện											
		2016		2017		2018		2019		2020		2021			
		ĐP	TW	ĐP	TW	ĐP	TW	ĐP	TW	ĐP	TW	ĐP	TW		
	<b>Nguồn vốn đầu tư</b>	<b>83.867</b>	<b>691.257</b>	<b>800</b>	<b>61.667</b>	<b>1.672</b>	<b>57.500</b>	<b>1.845</b>	<b>62.321</b>	<b>11.695</b>	<b>229.214</b>	<b>16.987</b>	<b>256.640</b>	<b>50.868</b>	<b>23.915</b>
1	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm tỉnh Ninh Thuận	-	1.500		1.500										
2	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng Vườn Quốc gia Núi Chúa	-	2.500		2.500										
3	Dự án phát triển rừng phòng hộ, đặc dụng và sản xuất	-	50.000		6.000				7.500		4.000		22.500		10.000
4	Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia Núi Chúa giai đoạn 2016-2020	-	103.569		18.000		16.900		22.300		17.900		15.269		13.200
5	Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia Phước Bình giai đoạn 2016-2020	-	38.178		12.000		100		5.400		3.300		17.378		
6	Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ (JICA 2)	2.417	74.282		14.000	772	28.500	845	23.788	800	4.900		2.379		715



ST T	Danh mục dự án	Tổng GD 2016- 2021		Phân theo năm thực hiện											
				2016		2017		2018		2019		2020		2021	
		ĐP	TW	ĐP	TW	ĐP	TW	ĐP	TW	ĐP	TW	ĐP	TW	ĐP	TW
7	Trồng mới, phục hồi và kết hợp quản lý bảo vệ rừng chống xâm thực bờ biển thuộc địa bàn các huyện Ninh Hải, Ninh Phước, Thuận Nam giai đoạn 2015-2020 (SP-RCC)	3.500	23.000	800	7.667	900	12.000	1.000	3.333	800					
8	Hệ thống thủy lâm kết hợp để phòng chống hoang mạc hóa và thích ứng biến đổi khí hậu trên địa bàn huyện Ninh Phước và Thuận Nam	4.653	169.130							2.741	84.565	134	84.565	1.778	
9	Thu trữ nước dưới đất để phát triển nông lâm nghiệp nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh bền vững trên vùng đất khô hạn ven biển Ninh Thuận	9.900	84.566							1.809	42.283	1.155	42.283	6.936	
10	Hệ thống Hồ chứa nước Kiên Kiên	63.397	144.532							5.545	72.266	15.698	72.266	42.154	

